



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: _____

IV# _____

WEWL# _____

I-171 _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA # _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN TAN GIANG
Last Middle First

Current Address: 5/86B No Hong Long - P7 - Binh Thanh Ho Chi Minh City

Date of Birth: 1935 Place of Birth: Singapore

Previous Occupation (before 1975) L. Colonel
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-15-75 To 01-06-1985
Years: 09 Months: 06 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: THU PHUNG T. NGUYEN
Name

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



Camp reeducation:

Z 30A Xuan Loc, Dong Nai

NGUYEN, TAN: GIAI - 1935

1st COLONEL

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QITG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Xuyên Lộ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 153 CRT

0 0 1 6 7 8 0 4 1 1 2

SIISLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ

Thực hiện án văn, quyết định tha số 68 BTV/ĐD ngày 17 tháng 12 năm 1984

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Nguyễn Văn Giai

Sinh năm 1935

Các tên gọi khác:

Nơi sinh

Sài Gòn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 5/86B No trang long, Bình thành,

TP/HCM

Cán bộ Trung tá bí t 301, quân

Bị bắt ngày

15/5/75

Án phạt

TTCT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án

lần, cộng thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại 5/86B No trang long, Bình thành, TP/HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

Kác định rõ tội lỗi, an tở cải tạo, chưa có biểu hiện tái phạm.

Trong lao động đã có nhiều cố gắng, hoàn thành chỉ tiêu được

giao. Chấp hành nghiêm nội quy của trại đề ra, chưa có sai

phạm gì lớn.

(Quản chế 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 30 tháng 01 năm 1985

Lần tay ngón trỏ phải

của Nguyễn Văn Giai

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Danh bản số

Lập tại



Nguyễn Văn Giai



Ngày 15 tháng 01 năm 1985

Giám thị

Trịnh Văn Bích

Nguyễn Văn Giai. Trưởng : Trịnh Văn Bích

ĐK

Xác nhận

815 - Cõ đến Trĩnh diẽn tơn
- địa phương

Ngày 18.01.85

Phó CAPG



LÊ QUỐC QUẢN

BỘ NỘI VỤ

Trại Xuân Lộc

Số 193 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Học tập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QITG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0 0 I 6 7 8 0 4 1 1 2

SIISLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ

Thực hiện án văn, quyết định thả số 58-BNV/QĐ ngày 17 tháng 12 năm 1984

của

ĐO NỘI VỤ

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

Nguyễn Tấn Giai

Sinh năm 1935

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Sài Gòn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

5/86H No trang long, Bình Thạnh,

TP/HCM

Cán bộ

Trung tá bí t Cộng, quân

Bị bắt ngày

15/6/75

Án phạt

TTCT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tống án

lần, cộng thành

pim

tháng

Đã được giảm án

lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

5/86H No trang long, Bình Thạnh, TP/HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

Xác định rõ tội lỗi, án t cải tạo, chưa có biểu hiện gì xấu. Trong lao động đã có nhiều cố gắng, hoàn thành chỉ tiêu được giao. Chấp hành nghiêm nội quy của trại đề ra, chưa có sai phạm gì lớn.

(Quản chế 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 30 tháng 01 năm 1985

Lưu tay ngôn trở phải

của Nguyễn Tấn Giai

Danh bìn số

Lập tại

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Ngày 15 tháng 01 năm 1985

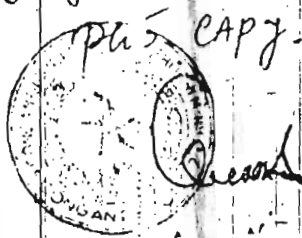
Giám thị

Nguyễn Tấn Giai. Thượng : Trịnh Văn Minh

rao nhân

815 - có tên trình diên ton
- địa phương

ngày 18.01.85



LÊ QUỐC QUÂN

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN TAN GIAI
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 1935
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu):

MARITAL STATUS Single (Doc than): X Married (Co lap gia dinh):
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 5/86 B NO TRANG LONG, PHUONG 7
(Dia chi tai Viet-Nam) QUAN BINH THANH, TP HOCHIMINH, VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong)

If Yes (Neu co): From (Tu): 6-15-75 To (Den): 01-06-85
230A

PLACE OF RE-EDUCATION: XUAN LOC CAMP, DONG NAI PROVINCE
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): LT. COLONEL

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My):
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): COMMANDER 4TH RANGERS REGIMENT
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): COMMANDER
Date (nam):

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co):
IV Number (So ho so):
No (Khong): X

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): NO
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 5/86 B NO TRANG LONG
PHUONG 7, QUAN BINH THANH, TP HOCHIMINH, VIETNAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
THU-PHUNG T. NGUYEN,

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): COUSIN

NAME & SIGNATURE: THU PHUNG T. NGUYEN
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: 12 22 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : N/A
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- 1- Copy of Release Certificate
- 2- Photo.

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN TAN GIAI
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 1935
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): x Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): x Married (Co lap gia dinh): _____
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 5/86 B NO TRANG LONG, PHUONG 7
(Dia chi tai Viet-Nam) QUAN BINH THANH, TP HO CHI MINH, VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) x No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 6-15-75 To (Den): 01-16-85

PLACE OF RE-EDUCATION: 230A XUAN LOC CAMP, DONG HAI PROVINCE
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Lieutenant Colonel

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): COMMANDER 4th RANGERS REGIMENT
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): COMMANDER
Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): x

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): NO
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 5/86 B NO TRANG LONG
PHUONG 7, QUAN BINH THANH, TP HO CHI MINH, VIETNAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
THU PHUNG T. NGUYEN

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): x No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): COUSIN

NAME & SIGNATURE: THU-PHUNG T. NGUYEN, 9524 LAWRENCE ST. NW
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: 12 22 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

1. Copy of Release Certificate
2. Photo

NGUYEN, TAN GIAI

INTAKE FORM
MẪU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH

APPLICANT FOR ORDERLY DEPARTURE PROGRAM:

NAME (TÊN) : NGUYỄN TÂN GIẢI
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 1935
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân): Married (có lập gia đình):
(Tình trạng gia đình):

ADDRESS IN VIETNAM :
(Địa chỉ tại VN)

POLITICAL PRISONER (Có là Tư binh tại VN hay không): Yes (Có) ☒ No (Không):

: If yes (Nếu Có): From (Từ): To (Đến):

PLACE OF RE-EDUCATION: HÀM TÂN, VN
CAMP (TRẠI TÙ) (Current)

PROFESSION (Nghề Nghiệp):

EDUCATION IN U.S. :
(DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN): Rank (Cấp Bậc): Trung Tá

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ): Date (Năm):
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P.: Yes (Có): IV Number (số hồ sơ): No (Không):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: (Số người đi theo):

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN:

(Địa chỉ liên lạc
tại VN)

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : NGUYỄN NGỌC THẠCH

(Tên, Địa chỉ Thân nhân :
hay Người Bảo Trờ)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ): No (Không):

RELATIONSHIP WITH PRISONER: (Liên hệ với người ở VN):

NAME AND SIGNATURE :

ADDRESS OF INFORMANT

(Tên, Địa Chỉ, Chữ Ký, ĐT
của người điền đơn này)

DATE :

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): _____
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.

ADDITIONAL INFORMATION:

Đã vào Card
6/27/84
Phú

CONTROL

____ Card
____ ☒ Doc. Request; Form 1/24/90
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ CDF/Date _____
____ Membership; Letter